TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TX THÀNH PHỐ** **HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:170/2020/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày* 01*tháng*4 *năm* 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬNCỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TX

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số149/2020/TLST-HNGĐ ngày20tháng3năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông CVC (CHC), sinh năm 1972; Giấy chứng minh nhân dân số 145849313 do Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 20.6.2013.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn NX, xã VX, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên.

Bà CTH, sinh năm 1982; Căn cước công dân số 033182000949 do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 08.12.2017.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: Số 77Nguyễn Văn Trỗi, phường PL, quận TX, thành phố Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

(1). Ngày 19.03.2020, ông CVC (CHC) và bà CTH có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận TX giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nội dung yêu cầu cụ thể như sau:

+ Về hôn nhân:

Ông CVC (CHC) và bà CTH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13.9.2000 tại UBND xã VX, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

+ Về con chung;Ông CVC (CHC) và bà CTHcó 03 con chung: CUN, sinh ngày 15.3.2002; CTN, sinh ngày 29.11.2004 và CHÂ, sinh ngày 23.01.2015.

Khi ly hôn, cháu CUN đã trưởng thành, không thuộc trường hợp cấp dưỡng bắt buộc. Hai con chưa thành niên, thỏa thuận giao cả hai con chung cho bà CTH trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông CVC (CHC).

Ông CVC (CHC) được quyền đi lại chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

+ Về tài sản chung, vay nợ chung và riêng:Ông CVC (CHC) và bà CTHtự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết.

+ Về lệ phí:Ông CVC (CHC) và bà CTHtự chịu lệ phí ly hôn theo quy định.

(2). Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày24tháng3năm 2020, các bên đương sự đã thống nhất được toàn bộ nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày24 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:Ông CVC (CHC) và bà CTHthuận tình ly hôn.

- Về con chung:Ông CVC (CHC) và bà CTHcó 03 con chung: CUN, sinh ngày 15.3.2002; CTN, sinh ngày 29.11.2004 và CHÂ, sinh ngày 23.01.2015.

Giao hai con chung CTN, sinh ngày 29.11.2004 và CHÂ, sinh ngày 23.01.2015cho bà CTH trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông CVC (CHC).

Con chung: CUN, sinh ngày 15.3.2002 đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên Tòa án không giải quyết.

Ông CVC (CHC) được quyền đi lại chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Ông CVC (CHC) và bà CTHtự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông CVC (CHC) và bà CTHkhông yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông CVC (CHC) và bà CTHmỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông CVC (CHC) và bà CTHđã nộp tại biên lai số 0006957 và 0006958ngày 20.3.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận TX;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

PHƯƠNG THẢO

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).